TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC SƠN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST
Ngày 12-9-2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Phạm Công Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Công Thịnh.

Bà Hoàng Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa*:** Bà Dương Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2023/TLST-HNGĐ ngày 24/4/2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đặng Hữu H, sinh năm 1978; cư trú tại: Thôn Y, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Bị đơn: Chị Triệu Thị T, sinh năm 1985; cư trú tại: Thôn Y, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Đặng Hữu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Hữu H và chị Triệu Thị T kết hôn với nhau vào ngày 22/10/2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Trước khi kết hôn, hai người được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau không bị ai ép buộc và được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau vẫn hạnh phúc, đến năm 2014, bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T đi làm công ty, hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung,

anh H và hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng không thành. Anh Đặng Hữu H và chị Triệu Thị T đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Hiện nay, anh Đặng Hữu H không còn tình cảm với chị Triệu Thị T nên yêu cầu được ly hôn với chị Triệu Thị T.

Về con chung: Có 02 người con chung tên là Đặng Thị N, sinh ngày 21/5/2002 và Đặng Phúc S, sinh ngày 12/11/2004. Hiện nay, con chung đã trưởng thành, anh Đặng Hữu H không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về phía bị đơn, chị Triệu Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng. Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình chị Triệu Thị T và đại diện thôn Y, xã T được gia đình chị T và đại diện thôn Y, xã T cho biết: Anh Đặng Hữu H và chị Triệu Thị T kết hôn vào năm 2002, chung sống tại thôn Y, xã T, trong quá trình chung sống không xẩy ra mâu thuẫn, đến năm 2014, chị T đi làm công ty ít về thăm nhà, đến năm 2016 thì chỉ về nhà ngoại ở không về chung sống với anh H nữa nên xẩy ra mâu thuẫn, hai bên gia đình đều biết đã khuyên giải, động viên nhưng không thành. Các văn bản tố tụng của Tòa án gửi đến cho chị T gia đình đều nhận được và đã thông báo cho chị T biết nhưng do chị T bận làm ăn không về Tòa án để giải quyết. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an xã T, huyện B. Công an xã T cho biết chị Triệu Thị T vẫn có hộ khẩu thường trú tại Thôn Y, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và lập biên bản niêm yết theo quy định của pháp luật cho chị T biết. Tuy nhiên, chị Triệu Thị T vẫn không đến Tòa án tham gia tố tụng, không có lý do.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn chị Triệu Thị T không đến Tòa án tham gia vào quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Đặng Hữu H đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn anh Đặng Hữu H đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự như: Thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn chị Triệu Thị T vắng mặt tại Tòa án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, do vậy chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đặng Hữu H. Về con chung: Có 02 người con chung đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; về nợ chung: Không có. Về án phí, buộc nguyên đơn anh Đặng Hữu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Đặng Hữu H khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Triệu Thị T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn Y, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, Thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

[2] Bị đơn chị Triệu Thị T vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Triệu Thị T là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Hữu H và chị Triệu Thị T kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Tri, huyện Bắc Sơn ngày 22/10/2002 nên quan hệ hôn nhân giữa anh Đặng Hữu H và chị Triệu Thị T là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị Triệu Thị T đi làm công ty ít về thăm nhà, không quan tâm đến gia đình. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 đến nay không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống.

[4] Xác định tình trạng quan hệ hôn nhân giữa anh Đặng Hữu H và chị Triệu Thị T thấy rằng: Chị Triệu Thị T không hợp tác với Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến về việc anh Đặng Hữu H có đơn xin ly hôn với chị. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa anh Đặng Hữu H và chị Triệu Thị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Đặng Hữu H yêu cầu xin ly hôn với chị Triệu Thị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy cần được chấp nhận.

[5] Về con chung: Có 02 người con chung tên là Đặng Thị N, sinh ngày 21/5/2002 và Đặng Phúc S, sinh ngày 12/11/2004. Hiện nay, con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Anh Đặng Hữu H trình bày là không yêu cầu giải quyết; quá trình giải quyết vụ án chị Triệu Thị T vắng mặt, không có ý kiến gì. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Anh Đặng Hữu H trình bày là không có; quá trình giải quyết vụ án chị Triệu Thị T vắng mặt, không có ý kiến gì. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Anh Đặng Hữu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[10] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 85, 89, 91 Luật Hôn nhân và gia định năm 2000; Điều 51, khoản 1, Điều 56 các Điều 57, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 24; điểm a, khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đặng Hữu H. Anh Đặng Hữu H được ly hôn với chị Triệu Thị T.

2. Về con chung: Có 02 người con chung tên là Đặng Thị N, sinh ngày 21/5/2002 và Đặng Phúc S, sinh ngày 12/11/2004. Hiện nay, con chung đã trưởng thành, nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Anh Đặng Hữu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) để nộp ngân sách nhà nước. Xác nhận anh Đặng Hữu H đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0002914 ngày 24/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Đặng Hữu H có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn chị Triệu Thị T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV-TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn;
- UBND xã T, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Công Đức